

Bản án số: 144/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đức Bình;
- Ông Nguyễn Văn Thiện;

- Thư ký phiên tòa: Trịnh Văn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2024/TLST-HNGĐ, ngày 31/7/2024, về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: **C, tổ F, thôn D, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1983. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: **C, tổ F, thôn D, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 03/7/2024, cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh **Bùi Văn T** trình bày: Anh **Bùi Văn T** và chị **Trần Thị H** tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã **V**, huyện **Đ**. Trong quá trình chung sống gần đây thì thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vì nhiều lý do. Nay anh **T** xác định không còn tình cảm với chị **H**, nên làm đơn yêu cầu được ly hôn. Anh **T** và chị **H** có với nhau 03 người con chung: **Bùi Thị Ngọc M**, sinh năm 2012; **Bùi Thị Thùy T1**, sinh năm 2015 và **Bùi Thị Diễm T2**, sinh năm 2022. Trước khi kết hôn thì chị **H** có 01 người con riêng tên **Bùi Trường H1**, sinh năm 2006, anh **T** đồng ý nhận làm cha nên đăng ký giấy khai sinh lấy họ của anh **T**. Nguyên vọng của anh là được nuôi 02 con chung **Bùi Thị Ngọc M** và **Bùi Thị Thùy T1**, chị **H** nuôi 01 con chung **Bùi Thị Diễm T2** và 01 con riêng **Bùi Trường H1**. Việc cấp dưỡng nuôi con anh **T** không yêu cầu. Tuy nhiên, nếu như chị **H** đồng ý cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng thì anh **T** đồng ý. Trong đơn khởi kiện anh **T** yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn. Tuy nhiên, ngày 11/9/2024 nguyên đơn anh **T** đã làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp tài sản chung khi ly hôn.

Trong quá trình tham gia tố tụng và trong đơn xin vắng mặt bị đơn chị **Trần Thị H** trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn và con chung chị **H** thống nhất như anh **T** trình bày. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là về bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau. Ban đầu chị **H** không đồng ý ly hôn, nhưng sau này thì chấp nhận ly hôn theo như yêu cầu khởi kiện của anh **T**. Về vấn đề con chung chị **H** đồng ý giao cho anh **T** nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 người con chung tên **Bùi Thị Ngọc M**, sinh năm 2012 và **Bùi Thị Thùy T1**, sinh năm 2015; đồng thời yêu cầu anh **T** phải quan tâm, tránh bỏ bê các con. Chị **H** muốn được cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con, kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị **H** có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên **Bùi Trường H1**, sinh năm 2006 và **Bùi Thị Diễm T2**, sinh năm 2022. Việc nguyên đơn rút phần tranh chấp về chia tài sản chung, chị **H** không có ý kiến gì.

Qua xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn của anh **T** và chị **H** là bất đồng quan điểm nên mất tiếng nói chung. Hiện tại 02 con chung là **Bùi Thị Ngọc M** và **Bùi Thị Thùy T1** đang ở sinh sống và học tập cùng với anh **T** và được ông bà nội chăm



sóc, còn chị H đưa 01 con chung là **Bùi Thị Diễm T2** và 01 người con riêng là **Bùi Trường H1** đi sống ở nơi khác.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định, Thư ký phiên tòa thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định.

Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao con cho nguyên đơn nuôi 02 con lớn và bị đơn nuôi 01 con nhỏ, việc bị đơn cấp dưỡng mức 2.000.000 đồng/02 con là phù hợp. Về tranh chấp tài sản chung nguyên đơn đã rút yêu cầu, nên đình chỉ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Về hôn nhân*: Anh **T** và chị **H** kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã **V**, huyện **Đ** vào năm 2011. Trong cuộc sống giữa anh **T** và chị **H** phát sinh nhiều mâu thuẫn và mất tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra gây gổ lẫn nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tranh chấp nuôi con*: Anh **T** và chị **H** có 04 người con. Xét thấy, cháu **Bùi Trường H1**, sinh ngày 25/6/2006 là con riêng của chị **H**, hiện tại cháu đã trên 18 tuổi nên Tòa án không xem xét. Còn 03 người con chung thì theo ý kiến của chị **H** là giao lại 02 con chung **Bùi Thị Ngọc M** và **Bùi Thị Thùy T1** cho anh **T** còn chị **H** sẽ nuôi dưỡng 01 con chung **Bùi Thị Diễm T2**. Xét thấy việc giao con cho anh **T** và chị **H** nuôi như vậy là phù hợp.

[6] *Về cấp dưỡng*: Anh **T** không yêu cầu nhưng để đảm bảo cho các cháu nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của chị **H** về việc cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con **Ngọc M** và **Thùy T1**.

[7] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện về tranh chấp tài sản chung và bị đơn cũng không có ý kiến gì. Đây là sự tự nguyện và không bị ép buộc, nên chấp nhận và đình chỉ giải quyết về quan hệ tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn giữa anh **T** và chị **H**, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] *Về án phí*: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Hoàn trả tạm ứng án phí về tranh chấp tài sản chung cho nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí về cấp dưỡng theo quy định.

[9] *Về kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016,



quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về chia tài sản chung*: Đình chỉ việc giải quyết về tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn giữa nguyên đơn **Bùi Văn T** và bị đơn **Trần Thị H**

2. *Tuyên bố*: Anh **Bùi Văn T** ly hôn chị **Trần Thị H**.

3. *Về nuôi con*: Giao cho anh **Bùi Văn T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con: **Bùi Thị Ngọc M**, sinh ngày 28/5/2012 và **Bùi Thị Thùy T1**, sinh ngày 15/6/2015. Chị **Trần Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: **Bùi Thị Diễm T2**, sinh ngày 17/4/2022. Anh **Bùi Văn T** và chị **Trần Thị H** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

4. *Về cấp dưỡng*: Chị **Trần Thị H** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con: **Bùi Thị Ngọc M**, sinh ngày 28/5/2012 và **Bùi Thị Thùy T1**, sinh ngày 15/6/2015 mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 10/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Kể từ ngày anh **Bùi Văn T** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị **Trần Thị H** chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Phần cấp dưỡng nuôi con có hiệu lực thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị, khiếu nại, kiến nghị.

5. *Về án phí*: Anh **Bùi Văn T** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 925.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004741 ngày 31/7/2024. Trả lại cho anh **Bùi Văn T** 625.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại. Chị **H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

6. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/9/2024), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thái**